

Bản án số: 579/2024/DS -ST
Ngày: 19-8-2024
V/v: Tranh chấp hui và
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Rồi
- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 435/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hui và Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa:

* Nguyên đơn: Nguyễn Thị Gái C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số X, tỉnh lộ Y, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đồng Thị Thuý D, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số X, tỉnh lộ Y, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy uỷ quyền số công chứng 009837 quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/5/2024 tại Văn phòng Công chứng Dương Thái Hoàng, Thành phố Hồ Chí Minh)

* Bị đơn: 1/ Bà Lê Thị Kim C1, sinh năm 1971; (có mặt);

2/ Ông Trà Văn N, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Số Z, đường C, tổ 06, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (có yêu cầu xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bà C1 có quan hệ quen biết nhau từ rất lâu. Do có quen biết với nhau từ khoảng thời gian rất lâu nên nguyên đơn tin tưởng bà C1, ông N.

Nguyên đơn đã cho bà C1 vay tiền và bà C1 cũng đã lập ra các dây hui, rủ nguyên đơn cùng tham gia vào các dây hui do bà C1 tổ chức. Cụ thể các khoản như sau:

Về nợ vay: Vào ngày 15/06/2021, bà C1 có hỏi vay nguyên đơn tổng số tiền 220.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm, đến hạn bà C1 xin gia hạn thêm 01 năm và không làm hợp đồng gia hạn. Cho đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà C1 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Việc cho vay không có thế chấp bất kỳ tài sản hay giấy tờ gì. Nguyên đơn tham gia các dây hui như sau:

+ Vào ngày 10/10/2021 mở hui 5.000.000 đồng, gồm 21 người chơi. Nguyên đơn chơi 01 phần hui đóng hết 18 lần, tổng số tiền đóng là 70.200.000 đồng.

+ Vào ngày 10/06/2022 mở hui 5.000.000 đồng, gồm 18 người chơi. Nguyên đơn chơi 02 phần hui đóng hết 12 lần, tổng số tiền đóng là 93.600.000 đồng.

+ Vào ngày 10/07/2022 mở hui 2.000.000 đồng, gồm 25 người chơi. Nguyên đơn chơi 02 phần hui đóng hết 11 lần, tổng số tiền đóng là 32.120.000 đồng.

+ Vào ngày 10/01/2023 mở hui 5.000.000 đồng, gồm 19 người chơi. Nguyên đơn chơi 01 phần hui đóng hết 05 lần, tổng số tiền đóng là 19.500.000 đồng.

+ Vào ngày 10/01/2023 mở hui 10.000.000 đồng, gồm 13 người chơi. Nguyên đơn chơi 01 phần hui đóng hết 05 lần, tổng số tiền đóng là 41.000.000 đồng.

+ Vào ngày 10/05/2023 mở hui 5.000.000 đồng, gồm 19 người chơi. Nguyên đơn chơi 01 phần hui đóng hết 01 lần, tổng số tiền đóng là 3.900.000 đồng.

Đến ngày 10/06/2023 bà C1 tuyên bố vỡ hui, không còn khả năng chi trả tiền nợ vay và nợ hui.

Ngày 03/08/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện lên tòa án Củ Chi, đến ngày 14/11/2023 tòa đã triệu tập các bên lên để làm việc. Tại đây bà C1 đã viết bản tự khai thừa nhận có vay tiền và nợ hui nguyên đơn. Ông N cũng viết bản tự khai thừa nhận biết việc bà C1 có vay tiền và nợ hui của nguyên đơn. Ông N xin liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng vợ. Hai vợ chồng bà C1 hứa một tháng sau sẽ trả 100.000.000 đồng và sau đó mỗi tháng xin trả góp 3.000.000 đồng nên nguyên đơn đồng ý và đã rút đơn khởi kiện. Nhưng đến ngày 12/12/2023 vợ chồng bà C1 chỉ trả cho nguyên đơn được số tiền 5.000.000 đồng tiền nợ hui và tiếp tục xin trả góp và cho đến nay vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, nguyên đơn khởi kiện yêu bà Lê Thị Kim C1 và ông Trà Văn N phải trả đủ cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là: 566.672.000 đồng, trong đó gồm:

- Nợ tiền vay 220.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 10%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng), số tiền là 22.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 20%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng), số tiền là 43.820.000 đồng, tổng cộng là 285.820.000 đồng.

- Nợ tiền hui (nợ gốc) 255.320.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định 10%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng), số tiền là 25.532.000 đồng; tổng cộng là 280.852.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn xác định khởi kiện yêu bà Lê Thị Kim C1, ông Trà Văn N1 phải trả đủ cho bà số tiền nợ tổng cộng là: 505.745.633 đồng. Trong đó gồm: Nợ tiền vay 220.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi; nợ tiền hụi (nợ gốc) là 255.320.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 30.425.633 đồng (tính từ ngày 10/6/2023 đến nay với mức 10%/năm).

Các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Căn cước công dân photo của nguyên đơn, Quyết định đình chỉ số 739 ngày 13/12/2023, Giấy uỷ quyền, Hợp đồng vay tiền ngày 15/6/2021, Bản tự khai photo của bà Chi, ông Nhẫn; 04 bản photo giấy hụi ngày 10/10/2021, 10/6/2022, 10/7/2022, 10/01/2023 (do bà Chi chụp hình gửi qua điện thoại cho nguyên đơn nên nguyên đơn không có lưu bản chính).

Bị đơn bà Lê Thị Kim C1 theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Trong quá trình làm hụi bà có thiếu bà Gái C số tiền hụi là 255.320.000 đồng và số tiền vay là 220.000.000 đồng như bà Gái C khởi kiện là đúng. Bà bị công nhân giựt hụi về quê trong lúc làm hụi năm 2021. Bà làm chủ hụi nên sẽ có trách nhiệm trả lại số tiền này cho bà Gái C. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình bà hiện đang khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà xin trả lại tiền vốn cho bà Gái C và khi nào bà có việc làm sẽ trả thêm

Tại phiên toà, bà C1 đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà C1 đồng ý trả cho nguyên đơn số nợ tiền vay gốc là 220.000.000đ và nợ hụi gốc là 255.320.000 đồng cùng với tiền lãi 10%/ năm trên số nợ hụi gốc tính từ ngày 10/06/2023 đến nay là 30.425.633 đồng. Tổng cộng các khoản là 505.745.633 đồng. Tuy nhiên, bà yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Các tài liệu chứng cứ mà bà C1 cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai, Photo Căn cước công dân.

Bị đơn ông Trà Văn N theo nội dung các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông là chồng của bà C1 là bị đơn trong vụ tranh chấp hụi với bà Gái C. Việc vợ ông chơi hụi với bà Gái C và vợ ông có vay tiền bà Gái C ông hoàn toàn không biết. Gần đây ông nhận được văn bản của Tòa và vợ ông có nói với ông nên ông mới biết sự việc. Nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông mong Tòa án giải quyết cho vợ ông trả tiền theo hoàn cảnh cho phép. Vì lý do sức khoẻ, ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án. Các tài liệu chứng cứ mà ông N cung cấp tại Tòa để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bao gồm: Bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn bà Lê Thị Kim C1, ông Trà Văn N có nơi cư trú

tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trà Văn N có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nhẫn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gái C khởi kiện yêu cầu Lê Thị Kim C1, ông Trà Văn N phải trả đủ số tiền nợ hui và tiền vay tổng cộng 505.745.633 đồng. Trong đó gồm: Nợ tiền vay 220.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi; nợ tiền hui (nợ gốc) là 255.320.000 đồng và tiền lãi nợ hui phát sinh là 30.425.633 đồng (tính từ ngày 10/6/2023 đến nay với mức 10%/năm). Yêu cầu thi hành trả số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp và lời thừa nhận, trình bày của các bên đương sự trong quá trình tố tụng, có cơ sở xác định: Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, vào ngày 15/06/2021, nguyên đơn có cho bà C1 vay số tiền 220.000.000 đồng; thời hạn vay 01 năm, đến hạn bà C1 xin gia hạn thêm 01 năm và không làm hợp đồng gia hạn. Việc nguyên đơn cho vay không có thể chấp bất kỳ tài sản hay giấy tờ gì. Đồng thời, nguyên đơn cũng tham gia chơi các dây hui do bà Lê Thị Kim C1 làm chủ hui đến ngày 10/5/2023, tổng số tiền nguyên đơn đã đóng cho bà C1 theo các dây hui là 260.320.000 đồng. Ngày 10/6/2023, bà C1 tuyên bố vỡ hui và sau đó có trả cho nguyên đơn được số tiền hui là 5.000.000 đồng. Đến nay, bà C1 còn nợ nguyên đơn số tiền vay là 220.000.000 đồng và tiền nợ hui là 255.320.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bà C1 là đúng.

Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bà C1 thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền vay là 220.000.000 đồng và tiền nợ hui là 255.320.000 đồng là đúng. Bà C1 đồng ý trả số tiền vay 220.000.000 đồng và tiền nợ hui là 255.320.000 đồng cùng với tiền lãi nợ hui từ ngày 10/06/2023 đến nay với mức lãi suất là 10%/năm cho nguyên đơn theo yêu cầu nhưng bà C1 yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn phía nguyên đơn thì cho rằng bà C1, ông N không có thiện chí trả nợ, thiếu tiền hui, tiền vay từ năm 2023 đến nay, không có thể chấp tài sản gì nhưng cố tình kéo dài không muốn trả nên không đồng ý theo yêu cầu trả dần của bà C1.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 220.000.000 đồng + Số tiền nợ hui 255.320.000 đồng + lãi 255.320.000 đồng x (từ 10/6/2023 đến 19/8/2024 là: 14 tháng + 09 ngày) x 10%/năm = 30.425.633 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 505.745.633 đồng.

[2.2] Xét thấy, việc ông N cho rằng đây là khoản nợ riêng của vợ ông là không có cơ sở. Vì theo nội dung lời khai ngày 14/11/2023 tại Toà án nhân dân huyện Củ Chi, ông N thừa nhận vợ chồng ông có nợ nguyên đơn số tiền hui và tiền vay trên và đồng ý liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng vợ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 27/6/2024, ông lại xác định việc vợ ông nợ tiền nguyên đơn ông hoàn toàn không biết. Đó đó, xét cần buộc bà C1, ông N có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Xét thấy, tại phiên toà nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh đối với khoản tiền vay 220.000.000 đồng; xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 10%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng) với số tiền là 22.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 20%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng) với số tiền là 43.820.000 đồng.

[2.4] Xét thấy, bị đơn nợ nguyên đơn số tiền vay 220.000.000 đồng và nợ hui 255.320.000 đồng từ tháng 6/2023 đến nay, việc bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà C1, ông N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 505.745.633 đồng là phù hợp.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 10%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng) với số tiền là 22.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn từ tháng 06/2023 đến khi trả hết nợ gốc, tính theo lãi suất do ngân hàng nhà nước quy định 20%/năm, tạm tính đến tháng 05/2024 (12 tháng) với số tiền là 43.820.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Gái C về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim C1, ông Trà Văn N trả số tiền vay và tiền nợ hui tổng cộng là 505.745.633đ (năm trăm lẻ năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Buộc bà Lê Thị Kim C1, ông Trà Văn N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Gái C số tiền tổng cộng là 505.745.633đ (năm trăm lẻ năm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng). Bao gồm tiền nợ vay là 220.000.000đ

(hai trăm hai mươi triệu đồng), tiền nợ hui gốc là 255.320.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh của nợ hui là 30.425.633đ (ba mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng). Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà C1, ông N có trách nhiệm trả lãi cho bà Gái C, với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà Gái C có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 24.229.825đ (hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) buộc bà Lê Thị Kim C1 và ông Trà Văn N phải nộp.

Hoàn tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Gái C số tiền 7.021.300đ (bảy triệu không trăm hai mươi một nghìn ba trăm đồng) theo biên lai thu số 0015436 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Nguyên đơn, bị đơn là bà C1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan